

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **790** /SNN-VP

Bình Phước, ngày **14** tháng **4** năm 2023

V/v Góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND quy định nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Kính gửi:

- Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh.

Thực hiện Công văn số 567/UBND-TH ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh về việc hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh trình tại kỳ họp thường lệ năm 2023.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Để tiếp tục hoàn thiện 02 dự thảo nêu trên đảm bảo quy trình xây dựng Nghị quyết theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan. Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, đóng góp ý kiến bằng văn bản cho nội dung 02 dự thảo nêu trên. Trong đó, đối với Điều 2 về nội dung và mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết, nếu các đơn vị có ý kiến góp ý bổ sung thì đề nghị nêu rõ căn cứ pháp lý và sự cần thiết để Sở có cơ sở tổng hợp và giải trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh.

Văn bản góp ý của các đơn vị đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 21/4/2023 để tổng hợp, hoàn chỉnh và tham mưu UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nếu cần thông tin, vui lòng liên hệ ông Nguyễn Văn Tới, SĐT 0915189079.

(Kèm theo dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GD Sở; các PGD Sở;
- Lưu: VT, PTNT, VPĐPNTM.



Phạm Thụy Luân



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /TTr-UBND

Dự thảo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14, điểm a, khoản 2, điều 20, điểm d khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 3 điều 50: Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 53/2022/TT-BTC).

2. Căn cứ thực tiễn

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh Bình Phước là 109.180 triệu đồng. Hàng năm, căn cứ nguồn vốn sự nghiệp được Trung ương giao, UBND tỉnh phân bổ cho các Sở, ngành thực hiện các dự án thành phần và UBND các huyện, thành phố thực hiện hỗ trợ các nội dung: phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; tập huấn; tuyên truyền; phát triển ngành nghề nông thôn; bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; phát triển hợp tác xã; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xử lý, cải thiện môi trường nông thôn.... Việc sử dụng vốn sự nghiệp hỗ trợ thực hiện các dự án thành phần và hỗ trợ các huyện, thành phố đã đóng góp vào việc hoàn thành mục tiêu Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Ngày 12/8/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó giao cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ một số nội dung để phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của địa phương. Để có căn cứ phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương cho các nội dung trên, góp phần vào hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; nhằm cụ thể hoá các quy định của trung ương giao, phù hợp với tình hình của địa phương; đồng thời tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình. Vì vậy việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025; làm cơ sở để các địa phương chủ động trong xây dựng kế hoạch, lập dự án tổ chức thực hiện.

2. Quan điểm

Nội dung Nghị quyết không trái với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thực hiện xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 05/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 307/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày, Thường trực HĐND tỉnh đã có Văn bản số về việc chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, trong đó đề nghị sửa tiêu đề dự thảo Nghị Quyết thành “Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Ngày, UBND tỉnh có Văn bản số về việc tham mưu xây dựng hồ sơ trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã xin ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước, các sở, ngành, UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đã tiến hành đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng thông tin điện tử của UBND Tỉnh.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra tại Báo cáo số UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 04 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các văn bản liên quan do các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.3. Nội dung và mức hỗ trợ

2.3.1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2.3.2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã.

Chi mua sắm thiết lập mới đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 65 triệu đồng/hệ thống; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản, đội, tổ dân cư (gọi chung là thôn) tối đa 40 triệu đồng/cụm loa.

Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/hệ thống; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến thôn tối đa 30 triệu đồng/cụm loa.

b) Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện.

2.3.3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, nhưng không quá 50 triệu đồng/01 mô hình.

2.3.4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức tối đa 100% chi phí được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Nội dung chi: chi theo thực tế và ở mức tối đa theo quy định hiện hành gồm: công thiết lập vùng trồng, công đi đánh giá và giám sát định kỳ và đột xuất, công hướng dẫn ghi nhật ký điện tử; dụng cụ lấy mẫu vật dịch hại, máy tính, máy định vị, phần mềm chuyên dụng, phân tích dư lượng hóa chất, vi sinh vật trước khi nông sản đưa ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu; dịch thuật tài liệu báo cáo sang tiếng nước ngoài cho kiểm tra trực tiếp hoặc trực tuyến của vùng trồng đề nghị cấp và khắc phục; chi phí định danh mẫu vật dịch hại đối tượng kiểm dịch của nước nhập khẩu; Chi tập huấn, tuyên truyền trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và (IPHM).

2.3.5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

2.3.6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở, tổ chức và không quá 250 triệu đồng/01 cá nhân.

2.3.7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề; các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái; dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch; các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/Dự án.

2.3.8. Hỗ trợ dự án/kế hoạch phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

2.3.9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

- Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm; Hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

- Hỗ trợ làm công chào, cổng chào đa chức năng, cổng chào tích hợp bảng, biển điện tử tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu, đường kiểu mẫu, cụ thể: Đối với cổng chào xã hỗ trợ tối đa 100% dự toán nhưng không quá 500 triệu đồng; Đối với cổng chào thôn, ấp hỗ trợ tối đa 90% dự toán nhưng không quá 300 triệu đồng; Đối với cổng chào tổ, xóm, đường kiểu mẫu hỗ trợ tối đa 80% dự toán nhưng không quá 100 triệu đồng.

2.3.10 Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp tối đa 20 triệu đồng/01 mô hình.

2.3.11. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình.

- Mô hình trình diễn địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/1 mô hình;

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình;

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

- Chi phí tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình theo quy định hiện hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

2. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương;

3. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

4. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 2023/NQ-HĐND

(Dự thảo)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHOÁ ..., KỲ HỌP THỨ ...

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân
sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bình Phước về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn
tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các văn bản liên quan do các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã.

Chi mua sắm thiết lập mới đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 65 triệu đồng/hệ thống; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản, đội, tổ dân cư (gọi chung là thôn) tối đa 40 triệu đồng/cụm loa.

Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/hệ thống; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến thôn tối đa 30 triệu đồng/cụm loa.

b) Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn:

Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 50 triệu đồng/01 mô hình.

4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng:

Nội dung chi: Thiết lập vùng trồng, đánh giá và giám sát định kỳ, đột xuất, hướng dẫn ghi nhật ký, nhật ký điện tử; dụng cụ lấy mẫu vật dịch hại, máy tính, máy định vị, phần mềm quản lý mã vùng trồng, phân tích dư lượng hóa chất, vi sinh vật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu; dịch thuật tài liệu báo cáo sang tiếng nước ngoài (nếu có); định danh mẫu vật dịch hại cho đối tượng kiểm dịch của nước nhập khẩu; tập huấn, tuyên truyền trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và (IPHM).

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở, tổ chức và không quá 250 triệu đồng/01 cá nhân.

7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề; các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái; dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch; các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/Dự án.

8. Hỗ trợ dự án/kế hoạch phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

- Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm; Hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

- Hỗ trợ làm cổng chào, cổng chào đa chức năng, cổng chào tích hợp bảng, biển điện tử tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu, đường kiểu mẫu, cụ thể: Đối với cổng chào xã hỗ trợ tối đa 100% dự toán nhưng không quá 500 triệu đồng; Đối với cổng chào thôn, ấp hỗ trợ tối đa 90% dự toán nhưng không quá 300 triệu đồng; Đối với cổng chào tổ, xóm, đường kiểu mẫu hỗ trợ tối đa 80% dự toán nhưng không quá 100 triệu đồng.

10. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp tối đa 20 triệu đồng/01 mô hình.

11. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình.

- Mô hình trình diễn địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/1 mô hình;

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình;

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

- Chi phí tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

a) Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác.

c) Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện chương trình và huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khoá, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH